

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 1076/2018/KDTM-PT

Ngày 19/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Khắc Tuấn**.

Các thẩm phán:

1. Bà **Võ Thị Sang**

2. Ông **Đỗ Giang**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Duyên**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2018 và ngày 19/11/2018 tại trụ sở tòa án đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/KDTMPT ngày 16/8/2018 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/KDTM-ST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân quận TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4781/2018/QĐ-PT ngày 17/10/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần HTIns**

Địa chỉ: 110-112 đường TQT, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện: Ông Lê Hồng D - Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật ngày 19/12/2017 (có mặt);

***Bị đơn:* Công ty Cổ phần KTH**

Địa chỉ: 287 đường PVH, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện: Ông Nguyễn Văn C - Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật ngày 08/11/2018 (có mặt).

***Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần KTH.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Giữa Công ty Cổ phần KTH (gọi tắt là Công ty KTH) và Công ty Cổ phần Thiết kế, Xây dựng HT (nay là Công ty Cổ phần HTIns – gọi tắt là Công ty

HTIns) có ký Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 ngày 24/9/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 ngày 19/8/2013 với thỏa thuận Công ty KTH giao cho Công ty HTIns thi công xây lắp, hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại tại dự án chung cư KTH, địa chỉ 27 TC, phường TTN, Quận MH theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

Theo trình bày của Công ty HTIns: Công ty HTIns đã thực hiện xong toàn bộ công việc, ngày 25/5/2014 hai bên đã lập bản tổng hợp giá trị quyết toán công trình, Biên bản làm việc ngày 16/6/2014, Bản tổng hợp giá trị quyết toán công trình ngày 25/5/2014 với tổng giá trị mà Công ty KTH còn phải thanh toán cho Công ty HTIns là 43.765.753.408đ. Tuy nhiên tính đến ngày 26/5/2016 Công ty Cổ phần KTH mới chỉ thanh toán cho Công ty HTIns là 35.144.994.996đ. Ngày 06/7/2016 hai bên có biên bản đối chiếu công nợ trong đó xác định số nợ mà Công ty KTH còn phải thanh toán cho Công ty HTIns là 8.620.758.412đ. Ngoài ra, theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng trường hợp Công ty KTH chậm thanh toán thì còn phải chịu thêm phần lãi phạt là 3% một tháng. Do đó, ngày 26/8/2016 Công ty HTIns đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty KTH phải thanh toán trả công ty số tiền là 8.620.758.412đ, kèm theo lãi phạt tạm tính một tháng là 258.622.752đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty HTIns yêu cầu Công ty KTH phải thanh toán trả công ty số tiền là 8.620.758.412đ, kèm theo lãi từ ngày 06/7/2016 đến ngày 26/6/2018 là 6.112.117.698đ, tổng cộng là 14.732.876.110đ.

Công ty KTH thừa nhận giữa 2 bên có ký Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 ngày 24/9/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 ngày 19/8/2013 nhưng có một số ý kiến như sau:

- Vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của Công ty HT đề nghị Tòa án triệu tập Công ty HT vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết quan hệ giữa 3 bên.

- Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng số 17/HĐTC/2012; Hợp đồng số 178/HĐTC/2013; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 29/8/2014; các biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/11/2014 và 06/7/2016 đều không phải do đại diện hợp pháp của bị đơn ký, con dấu đóng trên đó cũng không phải là con dấu của bị đơn. Bị đơn không hề biết các tài liệu này. Đề nghị Tòa án phải giám định xem chữ ký trên các biên bản đối chiếu công nợ ngày 26/11/2014 và 06/7/2016 có phải là của ông Nguyễn Mạnh H hay không. Ngoài ra, trong các biên bản đối chiếu công nợ này có nhiều khoản thanh toán giữa 2 bên không rõ, ví dụ cần phải làm rõ mục thanh toán số 32 có ghi Công ty Địa ốc HT chuyển tiền tạm ứng đợt 13 thi công công trình 91 PVH 460.000.000đ.

- Trong Thông báo đòi nợ ngày 08/11/2017 Công ty HTIns không hề đề cập đến khoản tiền lãi phát sinh và yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là trái với Điều 10 của Hợp đồng số 17/HĐTC/2012.

- Công ty HTIns không xuất hóa đơn VAT cho Công ty KTH nên Công ty KTH đã bị Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2016/KDTM-ST ngày 02/7/2018, Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty KTH phải thanh toán cho Công ty HTIns số tiền 14.732.876.110đ.

Ngoài ra, bản án còn có phần quyết định về việc chịu tiền lãi do chậm thi hành án; việc chịu án phí, hoàn tiền tạm ứng án phí, hoàn lại chi phí giám định; việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/7/2018, Công ty KTH đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã ký xác nhận nợ thì phải thanh toán. Trong vụ án này, Công ty HT đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng. Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có Quyết định giải quyết khiếu nại của bị đơn trong đó xác định vụ án không liên quan đến Công ty HT. Bị đơn không hợp tác với nguyên đơn, cố tình kéo dài vụ việc. Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho bị đơn cung cấp tài liệu để giám định nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Số tiền lãi mà nguyên đơn nêu ra khi khởi kiện chỉ là tạm tính một tháng, còn khi xử sơ thẩm là tính đến ngày xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời cho rằng Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 ngày 24/9/2012 là hợp đồng được ký giữa 3 bên là nguyên đơn, bị đơn và Công ty Cổ phần Sàn giao dịch bất động sản HT (gọi tắt là Công ty HT) theo thỏa thuận thì bị đơn giao cho Công ty HT bán căn hộ chung cư KTH để lấy tiền thanh toán cho nguyên đơn. Ngày 19/8/2013 nguyên đơn và bị đơn ký thêm Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 tại hợp đồng này 2 bên cũng tiếp tục xác định nguồn thu từ tiền Công ty HT bán căn hộ cũng vẫn là nguồn thu chính để thanh toán nên việc nghiệm thu, đối chiếu công nợ, thanh toán bắt buộc phải có chữ ký của cả 3 bên. Chữ ký và con dấu đóng trên các văn bản có đề tên Công ty KTH không phải là chữ ký và con dấu của bị đơn. Ngoài ra nguyên đơn khởi kiện đòi tiền lãi là 258.622.752đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả 6.112.117.698đ tiền lãi là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị tòa án hủy án sơ thẩm để đưa Công ty HT vào tham gia tố tụng và giám định chữ ký, con dấu đề tên Công ty KTH trên các tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng. Kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn, đúng thủ tục. Về nội dung vụ việc, giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp với nhau về việc thanh toán các khoản tiền cho các hạng mục mà nguyên đơn đã thực hiện theo các hợp đồng thi công. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu như hợp

đồng thi công, biên bản nghiệm thu, biên bản đối chiếu công nợ mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đã ký với nguyên đơn nhưng bị đơn không thừa nhận chữ ký và con dấu đề tên của bị đơn trên các tài liệu do nguyên đơn cung cấp là của mình nên cần thiết phải thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính chân thực của các tài liệu này. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để thực hiện các thủ tục yêu cầu cung cấp chứng cứ, thu thập chứng cứ và xét xử sơ thẩm lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Công ty KTH làm đúng thời hạn và thủ tục.

Xét: Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về việc thanh toán các khoản tiền phát sinh từ Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, Công ty HTIns có cung cấp cho Tòa án các bản sao có con dấu và chữ ký đề tên Công ty KTH như: Hợp đồng số 17/HĐTC/2012, Hợp đồng số 178/HĐTC/2013, các phụ lục hợp đồng; bản tổng hợp giá trị một số hạng mục công trình; Biên bản làm việc ngày 16/6/2014; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 29/8/2014; Công văn số 62/KTH-2015 ngày 10/4/2015; Công văn số 02/2016 ngày 3/3/2016; Biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 06/7/2016 nhưng bị đơn không thừa nhận con dấu, chữ ký đề tên bị đơn trên các tài liệu trên là của bị đơn. Do đó cần phải thu thập các tài liệu, chứng cứ để chứng minh con dấu, chữ ký đề tên bị đơn trên các tài liệu trên có phải là của bị đơn hay không, trong đó có cả việc trưng cầu giám định chữ ký, con dấu đề tên Công ty KTH trên các tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp.

Theo thể hiện tại bản sao Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 do nguyên đơn cung cấp thì Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 là thỏa thuận được ký giữa nguyên đơn, bị đơn và Công ty HT. Theo thỏa thuận tại Điều 1 và Điểm 5.2 Điều 5 của Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 thì nguồn tiền để thanh toán cho nguyên đơn sẽ được lấy từ nguồn tiền mà Công ty HT thu được từ việc bán căn hộ. Tại Điều 1 của Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 hai bên cũng thỏa thuận việc thanh quyết toán hợp đồng sẽ dùng nguồn thu từ việc bán căn hộ là nguồn thanh toán chính. Tại cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 nhưng không thừa nhận bản sao Hợp đồng số 17/HĐTC/2012; Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 và các bản phụ lục do nguyên đơn cung cấp là bản sao của các hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà bị đơn đã ký nên cần thiết phải yêu cầu bị đơn cung cấp các hợp đồng này và các phụ lục hợp đồng để đối chiếu, xác định tính chân thực của các tài liệu này. Trong trường hợp có đủ căn cứ để chứng

minh bản sao Hợp đồng số 17/HĐTC/2012 và Hợp đồng số 178/HĐTC/2013 do nguyên đơn cung cấp đúng là bản sao của các hợp đồng này thì cần thu thập các tài liệu chứng cứ về việc bán căn hộ và số tiền thu được từ việc bán căn hộ. Nếu có căn cứ để xác định việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Công ty HT thì cần phải triệu tập Công ty HT vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét: Việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện là chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 310; Điều 313 và Khoản 3, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Xử:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/KDTM-ST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân quận TB; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận TB giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần KTH 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đương sự đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0008667 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận TB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Tuấn